

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 2 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ

I. Thông tin chung về nhiệm vụ:

1. Tên nhiệm vụ: Nghiên cứu ứng dụng các giải pháp khoa học công nghệ phát triển sản xuất Na bền vững tại Lạng Sơn và vùng phụ cận.

- Mã số: ĐTĐL.CN.21/21

2. Mục tiêu nhiệm vụ:

2.1. *Mục tiêu chung:* Tuyển chọn được giống na mới ít hạt cho năng suất cao, chất lượng tốt phù hợp với điều kiện sản xuất na vùng Đông Bắc; xây dựng được quy trình sản xuất na phù hợp với tiêu chuẩn trồng trọt hữu cơ; xây dựng được một số quy trình bảo quản, chế biến và mô hình sản xuất na bền vững tại tỉnh Lạng Sơn.

2.2. *Mục tiêu cụ thể:*

- Tuyển chọn được ít nhất 01 giống Na mới ít hạt, phù hợp với điều kiện sản xuất na vùng Đông Bắc (dưới 50 hạt, khối lượng quả lớn hơn 500 gram), tự công nhận theo quy định.

- 01 quy trình canh tác Na phù hợp với tiêu chuẩn trồng trọt hữu cơ (TCVN 11041 – 2:20217), được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn công nhận tiến bộ kỹ thuật.

- 01 quy trình bảo quản Na an toàn được công nhận cấp cơ sở, hạn chế tổn thất tối thiểu 15%, thời gian bảo quản trên 10 ngày.

- 02 quy trình chế biến sản phẩm Na (Probiotic, nectar) được công nhận cấp cơ sở.

- 02 mô hình sản xuất Na bền vững cho các lập địa khác nhau, quy mô 3,0 ha/mô hình.

- Tập huấn kỹ thuật cho 120 lượt người dân.

- 02 bài báo được đăng trên tạp chí chuyên ngành.

- Tham gia đào tạo sau đại học ít nhất 01 Thạc sĩ.

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ: PGS. TS. Hà Duy Trường

4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Trung tâm Đào tạo, Nghiên cứu giống cây trồng và vật nuôi.



5. Tổng kinh phí thực hiện: 6.900,00 triệu đồng.
 Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: 5.310,00 triệu đồng.
 Kinh phí từ nguồn khác: 900,00 triệu đồng.

6. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng:

Bắt đầu: Tháng 3/2021.

Kết thúc: Tháng 2/2025.

Thời gian thực hiện theo văn bản điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền: Không.

7. Danh sách thành viên chính thực hiện nhiệm vụ nêu trên gồm:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Học hàm, học vị	Tên cơ quan công tác
1	Hà Duy Trường	Chủ nhiệm đề tài	PGS. TS.	TT ĐTNH giống cây trồng và vật nuôi
2	Nguyễn Quỳnh Anh	Thư ký đề tài	Thạc sĩ	TT ĐTNH giống cây trồng và vật nuôi
3	Bùi Văn Quang	Thành viên chính	Tiến sĩ	TT ĐTNH giống cây trồng và vật nuôi
4	Lê Thanh Ninh	Thành viên chính	Tiến sĩ	TT ĐTNH giống cây trồng và vật nuôi
5	Bùi Tri Thức	Thành viên chính	Tiến sĩ	TT ĐTNH giống cây trồng và vật nuôi
6	Hoàng Thị Lệ Hằng	Thành viên chính	PGS. TS.	Viện Nghiên cứu Rau quả
7	Nguyễn Đức Hạnh	Thành viên chính	Tiến sĩ	Viện Nghiên cứu Rau quả
8	Nguyễn Thị Thu Hường	Thành viên	Thạc sĩ	Viện Nghiên cứu Rau quả

II. Nội dung tự đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

1. Về sản phẩm khoa học:

1.1. Danh mục sản phẩm đã hoàn thành:

TT	Tên sản phẩm	Số lượng			Khối lượng			Chất lượng		
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt
1	Giống Na mới ít hạt phù hợp điều kiện sản xuất vùng Đông Bắc		x			01 giống			x	
-	Khối lượng TB		x			≥ 500			x	
-	Số hạt/quả		x			< 50			x	
2	Mô hình sản xuất Na bền vững									
-	Mô hình canh tác trên núi đá		x			3,0 ha			x	
-	Mô hình canh tác trên đất chân đồi		x			3,0 ha			x	
3	Mô hình bảo quản		x			1.000 kg/ngày			x	
4	Mô hình chế biến nước na probiotic, nectar		x			700 lít/ngày			x	
5	Sản phẩm na sau bảo quản		x			1,0 tấn			x	

TT	Tên sản phẩm	Số lượng				Khối lượng				Chất lượng		
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt
6	Sản phẩm nước na probiotic		x			700 lít			x		x	
7	Sản phẩm nước nectar na		x			500 lít			x		x	
8	Quy trình canh tác na theo tiêu chuẩn hữu cơ		x			x			x		x	
9	Quy trình công nghệ bảo quản na an toàn		x			x			x		x	
10	Quy trình công nghệ chế biến nectar na		x			x			x		x	
11	Quy trình công nghệ chế biến nước na probiotic		x			x			x		x	
12	Báo cáo tổng kết đề tài		x			x			x		x	
13	Bài báo khoa học		x			x			x		x	
14	Tham gia đào tạo SDH: Thạc sĩ		x			x			x		x	

1.2. Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao (nếu có):

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian dự kiến ứng dụng	Cơ quan dự kiến ứng dụng	Ghi chú
1				

1.3. Danh mục sản phẩm khoa học đã được ứng dụng (nếu có):

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian ứng dụng	Tên cơ quan ứng dụng	Ghi chú
1				

2. Về những đóng góp mới của nhiệm vụ:

- Đã tuyển chọn, đánh giá giống Na nhập nội thích ứng với điều kiện sản xuất vùng Đông Bắc và tự công bố lưu hành 01 giống cây trồng: Giống Na Đài Loan với đặc điểm nổi bật như khối lượng quả lớn (trên 500 g/quả), ít hạt, chất lượng quả tốt và cho năng suất cao.

- Xây dựng 01 quy trình kỹ thuật canh tác na theo tiêu chuẩn hữu cơ (TCVN 11041-2:2017), được công nhận tiến bộ kỹ thuật.

- Xây dựng 01 quy trình bảo quản na giúp kéo dài thời gian lên hơn 15 ngày, giảm hao hụt sau thu hoạch.

- Xây dựng 01 quy trình chế biến nectar na, đảm bảo ATTP và đạt QCVN 6-2:2010/BYT.

- Xây dựng 01 quy trình công nghệ chế biến nước na probiotic, đảm bảo ATTP và đạt QCVN 6-2:2010/BYT.

- Xây dựng được 02 mô hình sản xuất Na bền vững (trên lập địa đất chân đồi và trên núi đá) với quy mô 3,0 ha/mô hình, nâng cao năng suất lên từ 10 – 15% so với canh tác truyền thống.

3. Về hiệu quả của nhiệm vụ:

3.1. Hiệu quả kinh tế

- Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm: Việc áp dụng quy trình canh tác hữu cơ, sử dụng giống na nhập nội cùng việc áp dụng sản xuất na bền vững giúp cho mô hình sản xuất của người dân có năng suất cao và chất lượng vượt trội giúp tăng sản lượng thu hoạch so với phương pháp truyền thống. Điều này góp phần gia tăng thu nhập cho người trồng Na.

- Tăng giá trị thương phẩm: Nhờ việc bổ sung thêm giống nhập nội chất lượng cao (kích thước lớn, số hạt ít, hương vị thơm ngon), giá bán Na có thể tăng từ 15-20% so với sản phẩm thông thường, đáp ứng tốt hơn nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Giảm hao hụt sau thu hoạch: Công nghệ bảo quản mới giúp kéo dài thời gian bảo quản lên hơn 15 ngày, giảm tỷ lệ hao hụt và tổn thất sau thu hoạch, nâng cao hiệu quả kinh tế của chuỗi sản xuất.

- Đa dạng hoá sản phẩm chế biến từ na: Công nghệ sản xuất nước na probiotic và nectar na góp phần tận dụng tối đa nguyên liệu (những quả na không đạt tiêu chuẩn bán tươi), sẽ làm giảm hao hụt sau thu hoạch, đồng thời việc chế biến sẽ góp phần nâng cao giá trị của sản phẩm.

- Mở rộng cơ hội thị trường: Sản xuất theo hướng hữu cơ giúp sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng cao, gia tăng khả năng tiếp cận thị trường trong và ngoài nước, nâng cao giá trị thương hiệu Na Lạng Sơn.

3.2. Hiệu quả xã hội

- Nâng cao nhận thức và trình độ canh tác của người dân: Người dân được tiếp cận và áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất Na, giúp nâng cao trình độ canh tác và khả năng thích ứng với xu hướng nông nghiệp bền vững.

- Bảo vệ sức khỏe cộng đồng: Việc áp dụng tiến bộ KH&CN trong canh tác giúp giảm ô nhiễm môi trường, đảm bảo an toàn thực phẩm, góp phần bảo vệ sức khỏe cho người sản xuất và người tiêu dùng.

- Bảo vệ môi trường sinh thái: Sử dụng phân bón hữu cơ, biện pháp sinh học giúp cải thiện độ phì nhiêu của đất, hạn chế ô nhiễm nguồn nước, giảm tác động tiêu cực đến hệ sinh thái địa phương.

- Thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững: Việc xây dựng mô hình sản xuất Na theo hướng hữu cơ giúp định hướng phát triển nền nông nghiệp thân thiện với môi trường, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững trong nông nghiệp.

III. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Về tiến độ thực hiện: (đánh dấu ✓ vào ô tương ứng):

- Nộp hồ sơ đúng hạn

☒

- Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng

☐

- Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng

☐

2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- Đạt

☒

- Không đạt

☐

Giải thích lý do:

.....

.....

.....

.....

Cam đoan nội dung của Báo cáo là trung thực; Chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ không sử dụng kết quả nghiên cứu của người khác trái với quy định của pháp luật.

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ
(Học hàm, học vị, Họ, tên và chữ ký)

PGS. TS. Hà Duy Trường

THỦ TRƯỞNG
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)



TS. Bùi Văn Quang